

QUỸ ETF SSIAM VNX50

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

Số/No. 368/2019/TB-SSIAM-NVQ

Hà Nội, ngày 16 tháng 08 năm 2019

Ha Noi, 16 August 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI**

**ANNOUNCEMENT
AFTER EXCHANGE TRADING**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
To: *Hochiminh Stock Exchange*

- Tên CTQLQ/ *Fund Management company*: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI
 - Tên Ngân hàng giám sát/ *Supervisory Bank*: Ngân hàng BIDV, chi nhánh Hà Thành
 - Tên Quỹ ETF/ *ETF name*: Quỹ ETF SSIAM VNX50
 - Mã chứng khoán/ *Securities symbol*: FUESSV50
 - Ngày giao dịch hoán đổi/ *Exchange date*: 15/08/2019
 - Đơn vị tính lô: 1 lô ETF tương đương: 100.000 chứng chỉ quỹ ETF
- Unit: 1 lot of ETF = 100,000 ETF certificates*

Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ *Basket of Components securities and cash component*:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
<i>Order</i>	<i>Securities symbol</i>	<i>Volume</i>	<i>Weighting</i>
I	Chứng khoán/Stock		
1	ACB	1.800	3,1%
2	BMP	50	0,2%
3	BVH	100	0,6%
4	CII	310	0,5%
5	CTD	60	0,5%
6	CTG	440	0,7%
7	DHG	10	0,1%
8	DPM	230	0,3%
9	DXG	470	0,5%
10	EIB	1.560	2,1%
11	FLC	850	0,3%
12	FPT	800	3,3%
13	GAS	140	1,1%
14	GEX	480	0,9%
15	GMD	400	0,9%
16	HBC	230	0,2%
17	HCM	180	0,3%

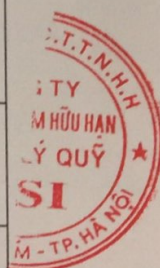


18	HDB	1.030	2,1%
19	HPG	2.480	4,6%
20	HSG	380	0,2%
21	KBC	520	0,6%
22	MBB	1.890	3,3%
23	MSN	700	4,2%
24	MWG	430	4,0%
25	NLG	180	0,4%
26	NVL	540	2,6%
27	PDR	180	0,4%
28	PLX	120	0,6%
29	PNJ	260	1,8%
30	PVD	280	0,3%
31	PVS	300	0,5%
32	REE	250	0,7%
33	ROS	250	0,5%
34	SAB	100	2,2%
35	SBT	390	0,5%
36	SHB	1.600	0,8%
37	SSI	450	0,8%
38	STB	2.570	2,1%
39	TCB	3.410	5,6%
40	TCH	290	0,5%
41	VCB	440	2,6%
42	VCG	100	0,2%
43	VCS	100	0,7%
44	VGC	200	0,3%
45	VHM	1.250	8,2%
46	VIC	1.100	10,3%
47	VJC	400	4,1%
48	VNM	1.020	9,5%
49	VPB	2.570	3,9%
50	VRE	1.570	4,3%
II	Tiền/Cash	14.930.031 VND	

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Spread between a basket and one lot of ETF in value*:
 - + Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/*Basket in value* 1.255.591.000 VND
 - + Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ *Value per lot of ETF* 1.270.521.031 VND
 - + Giá trị chênh lệch/ *Spread in value* 14.930.031 VND
 - + Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch / *Plan to reduce the spread*
 - Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/*With creation order*: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer cash component*

- Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ *With redemption order*: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ *Receive cash component after subtracting tax and redemption fee*
- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/
In case, stock can be replaced by cash, state reason:

STT	Mã Chứng Khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
1	BVH	78.500	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC
2	SSI	21.800	SSI	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch Treasury stock not yet registered for trading
3	VCB	76.300	VCBS	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC
4	ACB	21.700	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
5	CTG	20.500	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
6	FPT	52.200	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
7	GMD	27.000	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
8	MBB	22.300	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
9	MWG	118.900	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
10	NLG	31.600	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>



11	PNJ	85.700	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
12	REE	35.900	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
13	TCB	20.850	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
14	VCG	26.400	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
15	VPB	19.250	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This Period (15/08/2019)	Kỳ trước/Last Period (14/08/2019)	Chênh lệch/ Change
Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	0	0	0
Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0	0	0
Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Issued shares	13.600.000	13.600.000	0
Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Close price	12.720	12.750	-30
Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net Asset Value at Valuation Date			
<i>của quỹ ETF/ of the Fund</i>	<i>172.790.860.295</i>	<i>172.443.532.501</i>	<i>347.327.794</i>
<i>của 1 lô CCQ ETF/ per Creation Unit</i>	<i>1.270.521.031</i>	<i>1.267.967.150</i>	<i>2.553.881</i>
<i>của 1 CCQ/ per Share</i>	<i>12.705,21</i>	<i>12.679,67</i>	<i>25,54</i>
Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	1.454,04	1.438,61	15,43

Đại diện tổ chức

Organization representative



Tô Thùy Linh
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC